

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày 28/8/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Chung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Ngọc Quyết.**

Bà **Võ Thị Thúy.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Cúc Phương** - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị**

Lệ Quyên - KSV

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLST- DS ngày 15/4/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST - DS ngày 08/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S.**

Địa chỉ: Số B - B N, phường V, Quận C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Đăng H - Trưởng phòng G - Chi nhánh Q - Ngân hàng TMCP S (Theo Quyết định số 4039/2024/QĐ - PC ngày 27/12/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964.

Trú tại: 3 N, Khu phố H, xã V, Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Hoàng Đăng H trình bày:

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2014 ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị H1 đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà H1 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.140.000 (Mười chín triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ khi kích hoạt đến nay bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng cả lãi và gốc 43.370.000 (Bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng, trong đó trả gốc 9.085.120 đồng, trả tiền lãi tính đến ngày 09/7/2024 là 34.284.880 đồng. Tính đến ngày 09/7/2024 bà H1 còn nợ số tiền gốc 10.054.801 (Mười triệu không trăm năm mươi tư nghìn tám trăm

linh một) đồng, nợ lãi quá hạn 6.396.760 (Sáu triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng. Tổng cộng 16.451.561 (Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi một nghìn năm trăm sáu mươi một) đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng bà H1 không có thiện chí trả nợ và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết.

Tính đến ngày xét xử 28/8/2025 số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu bà H1 phải thanh toán, cụ thể: Nợ gốc: 10.054.801 (Mười triệu không trăm năm mươi tư nghìn tám trăm linh một) đồng; Nợ lãi quá hạn là 12.140.199 (Mười hai triệu một trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng, Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà H1 phải thanh toán là 22.195.000 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Để bảo vệ quyền lợi cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/8/2025 là 22.195.000 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng và tiếp tục thanh toán lãi vay cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án cấp tổng đạt và tiến hành niêm yết hợp lệ và các Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để bà H1 trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay bà H1 vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Quảng Trị tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa đổi bổ sung “Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Điều 365; Điều 463; Điều 465; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/8/2025 là 22.195.000 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Trong đó tiền gốc

10.054.801(Mười triệu không trăm năm mươi tư nghìn tám trăm linh một) đồng; Nợ lãi quá hạn là 12.140.199 (Mười hai triệu một trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng và tiếp tục thanh toán lãi vay cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định.

Án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H1 trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng cho vay đã ký kết. Bà H1 vay tiền sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, không có mục đích kinh doanh. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Nay là Tòa án Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Theo đơn khởi Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 09/7/2024 là 16.451.561 (Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi một nghìn năm trăm sáu mươi một) đồng. Trong đó số tiền nợ gốc 10.054.801(Mười triệu không trăm năm mươi tư nghìn tám trăm linh một) đồng, nợ lãi quá hạn 6.396.760 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà H2 phải thanh toán tính đến ngày xét xử 28.8.2025 cụ thể là 22.195.000 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Trong đó tiền gốc 10.054.801 (Mười triệu không trăm năm mươi tư nghìn tám trăm linh một) đồng; Nợ lãi quá hạn là 12.140.199 (Mười hai triệu một trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng và tiếp tục thanh toán lãi vay cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị H1 để đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà H1 vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa án theo triệu tập do vậy bà H1 không có lời khai cung cấp cho Tòa án được, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ngày 15 tháng 4 năm 2014 ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị H1 đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà H1 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân bà H1 đã thực hiện các giao

dịch với tổng số tiền là 19.140.000 (Mười chín triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ khi kích hoạt đến nay bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng cả lãi và gốc 43.370.000 (Bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng, trong đó trả gốc 9.085.120 đồng, trả tiền lãi tính đến ngày 09/7/2024 là 34.284.880 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà H1 không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc bà H1 phải thanh toán tính đến ngày 28.8.2025 là 22.195.000 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Trong đó tiền gốc 10.054.801 (Mười triệu không trăm năm mươi tư nghìn tám trăm linh một) đồng; Nợ lãi quá hạn là 12.140.199 (Mười hai triệu một trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 22.195.000 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng tính đến ngày 28.8.2025 (Nợ gốc 10.054.801 đồng; Nợ lãi quá hạn là 12.140.199 đồng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 428, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa đổi bổ sung “Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 22.195.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng. Trong đó nợ gốc là 10.054.801 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử 28.8.2025 là 12.140.199 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án 18/8/2025, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh

cho phù hợp với sự điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.109.750 (Một triệu một trăm linh chín nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 411.289 (Bốn trăm mười một nghìn hai trăm tám mươi chín) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000066 ngày 15/4/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Linh

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 28/8/2025. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8;
- Chi cục THA;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Văn Chung

